Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiểu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt.

Mục	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
(1)	(2)	(3)	(4)
I	**Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa**		
1	Thông số kỹ thuật của hàng hóa hàng hóa/thiết bị thuộc phạm vi cung cấp.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật tại Mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật, Chương IV, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của HSMT.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa không đáp ứng một trong các yêu cầu về kỹ thuật tại Mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật, Chương IV, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của HSMT.
2	Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu tại mục 1.3, Chương V- Yêu cầu kỹ thuật.	Không đáp ứng một trong các yêu cầu tại mục 1.3, Chương V- Yêu cầu kỹ thuật.
3	Yêu cầu trình bày giải pháp công nghệ	Nhà thầu trình bày chi tiết cụ thể thiết kế hệ thống (mô hình tổng thể, mô hình cài đặt triển khai), giải pháp công nghệ đáp ứng yêu cầu tại Chương V	Không trình bày hoặc trình bày nhưng không đầy đủ, không hợp lý hoặc không phù hợp yêu cầu nêu trên
4	Yêu cầu quy trình phát triển phần mềm	Nhà thầu trình bày đầy đủ quy trình sản xuất phần mềm theo quy định hiện hành và các tài liệu thể hiện hoạt động sản xuất phần mềm đáp ứng quy trình.	Không trình bày hoặc trình bày nhưng không đầy đủ, không hợp lý hoặc không phù hợp yêu cầu nêu trên
II	**Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa**		

Mục	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
1	Biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, cài đặt hàng hóa	Có biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, cài đặt hàng hóa hợp lý, khả thi, hiệu quả kinh tế và phù hợp với yêu cầu của HSMT	Không có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, cài đặt hàng hóa, hoặc Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, cài đặt hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không hiệu quả kinh tế, không phù hợp với yêu cầu của HSMT
2	Nhân sự phục vụ triển khai	Có đầy đủ nhân sự phục vụ triển khai, cài đặt đáp ứng với yêu cầu của gói thầu.	Không có đầy đủ nhân sự phục vụ triển khai, cài đặt phù hợp với yêu cầu của gói thầu.
III	**Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì**		
1	Cam kết	Nhà thầu có văn bản cam kết có đầy đủ phương tiện và nhân sự phục vụ công tác hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố và bảo hành bảo trì hàng hóa	Nhà thầu không có văn bản cam kết có đầy đủ phương tiện và nhân sự phục vụ công tác hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố và bảo hành bảo trì hàng hóa
2	Thời gian bảo hành	Có cam kết thời gian bảo hành hàng hóa tối thiểu 24 tháng tính từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng.	Không có cam kết thời gian bảo hành hàng hóa hoặc có cam kết nhưng thời gian bảo hành không đáp ứng thời gian bảo hành yêu cầu tối thiểu.
3	Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, hỗ trợ vận hành, khai thác hệ thống	Nhà thầu trình bày đầy đủ, chi tiết về giải pháp bảo hành, bảo trì, hỗ trợ vận hành, khai thác hệ thống	Không trình bày hoặc trình bày nhưng không đầy đủ, không hợp lý hoặc không phù hợp yêu cầu nêu trên
IV	**Tiến độ cung cấp hàng hóa**		

Mục	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
	Tiến độ cung cấp bàn giao hàng hóa	≤ 70 ngày và có bảng tiến độ thực hiện gói thầu hợp lý, khả thi và phù hợp với giải pháp kỹ thuật, yêu cầu của HSMT.	> 70 ngày hoặc Không có bảng tiến độ thực hiện gói thầu, hoặc có nhưng không hợp lý, khả thi, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, yêu cầu của HSMT.
	Thời gian thực hiện gói thầu	≤ 100 ngày	> 100 ngày
V	**Uy tín của nhà thầu**		
1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm trở lại đây	Nhà thầu có cam kết không bị cấm tham dự thầu ở bất kỳ chủ đầu tư nào tính đến thời điểm đóng thầu và không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01/01/2023 trở lại đây, tính đến thời điểm đóng thầu.	Nhà thầu không có cam kết không bị cấm tham dự thầu ở bất kỳ chủ đầu tư nào tính đến thời điểm đóng thầu và không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01/01/2023 trở lại đây, tính đến thời điểm đóng thầu.
2	Lịch sử kiện tụng trước đây	Có cam kết không có kiện tụng trong thời gian 03 năm gần đây.	Có kiện tụng trong thời gian 03 năm gần đây hoặc không có cam kết về việc không có kiện tụng trong thời gian 03 năm gần đây.
VI	**Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, hướng dẫn sử dụng**		
1	Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp	Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, hướng dẫn sử dụng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp.	Không có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, hướng dẫn sử dụng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp.

Mục	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
2	Kế hoạch đào tạo, hướng dẫn sử dụng	Nhà thầu có kế hoạch, nội dung đào tạo, hướng dẫn sử dụng hiệu quả, phù hợp và chi tiết.	Nhà thầu không có kế hoạch, nội dung đào tạo hướng dẫn sử dụng hoặc kế hoạch không hiệu quả, không phù hợp, không chi tiết.
VII	**Hồ sơ hàng hóa**	Có cam kết khi bàn giao hàng hóa sẽ kèm theo các chứng từ sau: - Cung cấp chứng nhận bản quyền các phần mềm hoặc giấy xác nhận kích hoạt bản quyền hoặc E-license (bản xác nhận điện tử) từ hãng sản xuất.	Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng thiếu nội dung.
Kết luận		**Đạt tất cả các yêu cầu nêu trên**	**Có một nội dung không đạt**